

Phụ lục số 01

Mẫu giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ: *(tên công ty)*
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:....

Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ với các nội dung sau:

1. Thông tin về quỹ đầu tư
 - Tên của quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có))
 - Loại hình quỹ (*quỹ đóng, quỹ mở*):
 - Mục tiêu đầu tư của quỹ:
.....
 - Chiến lược đầu tư của quỹ:
.....
2. Thời hạn hoạt động của quỹ đầu tư (nếu có):
3. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán:
4. Số lượng chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu (nếu có):
5. Giá chào bán dự kiến:
6. Tổng vốn huy động dự kiến:
7. Thời gian dự kiến chào bán:
8. Thời gian đăng ký mua chứng chỉ quỹ dự kiến: từ ngày đến ngày
9. Phương thức phân phối:

II. Thông tin về các bên liên quan: *(ngân hàng giám sát, tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có) ...)*

1. Ngân hàng giám sát:
 - Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số: do NHNN cấp ngày.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax:....

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có):

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:....

3. Đại lý phân phối:

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:....

Chúng tôi đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là chính xác, đầy đủ và đúng sự thật, không có thông tin giả mạo hoặc chưa đầy đủ có thể làm cho người mua chứng chỉ quỹ chịu thiệt hại.

Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu và nghiêm chỉnh tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Không công bố thông tin dưới mọi hình thức về việc chào bán chứng chỉ quỹ trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 02

Mẫu giấy thông báo chào bán/phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

THÔNG BÁO CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG

... ngày..... thángnăm

1. Công ty quản lý quỹ:

- Tên công ty (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:...

2. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do NHNN cấp ngày.....
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:...

3. Chứng chỉ quỹ chào bán

- Tên quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán
- Số lượng chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu (nếu có):
- Mệnh giá:
- Giá chào bán:
- Số lượng/giá trị đăng ký mua tối thiểu (nếu có):

4. Hiệu lực đăng ký chào bán (90 ngày, kể từ ngày chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực):

Từ ngày.../...../..... tới ngày...../...../.....

5. Thời hạn nhận đăng ký mua/thanh toán: từ ngày/...../..... tới ngày/...../.....

(tối thiểu 20 ngày và trong thời hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực)

6. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng chỉ quỹ (địa điểm phân phối):

7. Ngân hàng giám sát mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng chỉ quỹ

8. Hình thức thanh toán:

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 03

Mẫu giấy đề nghị cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Tên công ty (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:....

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ với các nội dung sau:

1. Tên quỹ đầu tư (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):

2. Ngân hàng giám sát:

3. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng (nếu có) số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

4. Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có):

5. Số lượng chứng chỉ quỹ:

6. Vốn điều lệ của quỹ:

7. Mệnh giá chứng chỉ quỹ:

Trường hợp là giấy đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, thì bổ sung:

8. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày;

9. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (trước khi điều chỉnh):

10. Vốn điều lệ của quỹ (trước khi điều chỉnh):

11. Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm:

12. Giá phát hành của một đơn vị chứng chỉ quỹ:

14. Vốn huy động thêm:

15. Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành (sau khi điều chỉnh)

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung giấy đề nghị và hồ sơ đăng ký thành lập quỹ/đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo
(liệt kê đầy đủ)

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 04

Nguyên tắc, phương pháp định giá

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

1. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;
- c) Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chỉ tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời.
- d) Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);
- đ) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- e) Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;
- g) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- h) Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;
- i) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- k) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

2. Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được công ty quản lý quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này;
- b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với công ty quản lý quỹ có hiệu lực;
- c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi ngân hàng giám sát biết hoặc có cơ sở cho rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;
- d) Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác

a) Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;

b) Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

A – Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện

		quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		

14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

¹Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng $\times$ giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) $\times$ giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

3. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

Phụ lục số 05

Một số nội dung chính trong phương án hợp nhất, sáp nhập

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

A - Phương án hợp nhất, sáp nhập phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập và quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập:

1. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của các quỹ.
2. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này.
3. Danh sách và bản cung cấp thông tin của thành viên ban đại diện quỹ/người điều hành quỹ.
4. Tóm tắt tình hình hoạt động của các quỹ; cơ cấu danh mục đầu tư; nguồn vốn và tài sản trước khi hợp nhất, sáp nhập; vốn điều lệ; số lượng chứng chỉ quỹ.

II. Thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập:

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập.
2. Thời gian dự kiến tổ chức họp đại hội nhà đầu tư các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập.
3. Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến.
4. Chi phí hợp nhất, sáp nhập.
5. Phương pháp kế toán hợp nhất, sáp nhập; thời điểm mà các hoạt động đầu tư bắt đầu được hạch toán tại sổ kế toán của quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập.
6. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của từng quỹ và sự khác biệt (nếu có); phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi.

B - Báo cáo phân tích việc hợp nhất, sáp nhập

(Báo cáo phải được viết ngắn gọn, súc tích, thể hiện bằng ngôn ngữ dễ hiểu, ít sử dụng các thuật ngữ chuyên môn. Nội dung của báo cáo thay đổi tùy thuộc vào đối tượng là nhà đầu tư của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập hoặc quỹ nhận sáp nhập)

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập.
2. Các ảnh hưởng dự kiến có thể xảy ra do hợp nhất, sáp nhập.
 - a) Thay đổi về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư, mức độ pha loãng hiệu quả hoạt động đầu tư và rủi ro tiềm ẩn;
 - b) Chi phí phát sinh, tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán (công ty quản lý quỹ);
 - c) Thay đổi liên quan tới chính sách về thuế, lệ phí, các loại phí; so sánh các mức thuế, phí, lệ phí trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập, kèm theo giải trình;
 - d) Các thay đổi làm ảnh hưởng tới quyền lợi khác của nhà đầu tư; so sánh quyền của nhà đầu tư trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập.
3. Quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư (của quỹ bị sáp nhập) liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập:
 - a) Quyền được tiếp cận mọi thông tin liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập;
 - b) Quyền được nhận các tài liệu của các quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập, quỹ nhận sáp nhập bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;
 - c) Quyền được nhận báo cáo thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập do ngân hàng giám sát xây dựng;

d) Thông tin về các khoản lợi nhuận tích lũy của quỹ và việc sử dụng các khoản này;

đ) Trường hợp việc hợp nhất, sáp nhập kèm theo việc thanh toán tiền cho nhà đầu tư, báo cáo phải bổ sung các thông tin về tỷ lệ tiền thanh toán hoặc mức tiền dự kiến chi trả trên một chứng chỉ quỹ; đối tượng nhận thanh toán; hình thức và thời hạn thanh toán; nguồn vốn thanh toán.

4. Lộ trình chi tiết của quá trình hợp nhất, sáp nhập:

a) Thời điểm tổ chức họp đại hội nhà đầu tư hoặc thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản từ nhà đầu tư về việc hợp nhất, sáp nhập; hình thức cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về kết quả biểu quyết;

b) Thời điểm dự kiến hủy niêm yết tự nguyện; thời điểm dự kiến niêm yết lại chứng chỉ quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập;

c) Thời điểm, thời hạn thanh toán cho chủ nợ theo yêu cầu;

d) Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến.

Phụ lục số 06

Một số nội dung chính trong hợp đồng hợp nhất, sáp nhập

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập và quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập:

1. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của các quỹ.
2. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này.

II. Thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập:

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập.
2. Các ảnh hưởng do hợp nhất, sáp nhập quỹ dự kiến có thể xảy ra đối với nhà đầu tư của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập và quỹ nhận sáp nhập.
3. Phương pháp và nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng để thực hiện chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và tiền thanh toán cho nhà đầu tư.
4. Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến.
5. Thời hạn, thủ tục, điều kiện, quy trình tổ chức thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ, chuyển giao tài sản từ các quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập cho quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.
6. Trường hợp hợp nhất, hợp đồng hợp nhất bao gồm các điều khoản về việc thành lập quỹ hợp nhất.

Phụ lục số 07

**Mẫu giấy đề nghị cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ
do hợp nhất, sáp nhập**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)*

**Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LẬP
QUỸ DO HỢP NHẤT, SÁP NHẬP**

Chúng tôi là: *(tên các quỹ tham gia việc hợp nhất/sáp nhập)*

Đề nghị UBCKNN điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ
số.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm.....với lý do

Sáp nhập ☐

Hợp nhất ☐

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất/sáp nhập

1. Tên quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):.....

2. Vốn điều lệ:

3. Số lượng chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):.....

4. Giá trị tài sản ròng của quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):

5. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):....

6. Tỷ lệ chuyển đổi (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập)

7. Thông tin về công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh)*:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:....

8. Thông tin về ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh)*:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:...

9. Vai trò của quỹ: (nhận sáp nhập/bị sáp nhập/hợp nhất)

II. Quỹ hình thành từ việc sáp nhập/hợp nhất

1. Tên quỹ:.....

2. Vốn điều lệ:

3. Giá trị tài sản ròng của quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):

4. Số lượng chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):.....

5. Giá trị tài sản ròng của quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập): ...

6. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):....

7. Công ty quản lý quỹ:

8. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký:.....

Đề nghị UBCKNN điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ với nội dung nêu trên.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 08**Mẫu báo cáo tài sản của quỹ trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

**BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ TRƯỚC VÀ SAU
KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP**

1. Tên công ty quản lý quỹ:
2. Tên ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký:
3. Tên các quỹ bị hợp nhất, sáp nhập
4. Ngày lập báo cáo:

Đơn vị tính:....VND

STT	CHỈ TIÊU	Trước khi hợp nhất, sáp nhập			Sau khi hợp nhất, sáp nhập	Chênh lệch
		Quỹ	Quỹ.	Quỹ.	Quỹ ...	
		***	**	***	(n)	
		(1)	(2)	(3)	(n)	(n+1) = (n)- (1)-(2)-(3)-...
TAI SẢN						
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền					
1.1	Tiền					
1.2	Tiền gửi ngân hàng					
1.3	Các khoản tương đương tiền					
2.	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)					
3.	Cổ tức được nhận					
4.	Lãi được nhận					
5.	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)					
6.	Các khoản phải thu khác					
7.	Các tài sản khác					
A	Tổng tài sản					
NỢ						
1.	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)					
2.	Các khoản phải trả khác					
B	Tổng nợ					
Tài sản ròng của quỹ (A –B)						
C	Tổng số chứng chỉ quỹ					
D	NAV/chứng chỉ quỹ					

**Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Giám đốc (Tổng giám đốc)
công ty quản lý quỹ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 09

Mẫu Thông báo việc gia hạn/giải thể quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO VIỆC GIA HẠN/ GIẢI THỂ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:...

2. Ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:...

3. Ngày lập thông báo:

Công ty quản lý quỹ/ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký xin thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia hạn/giải thể quỹ như sau:

(i) Trường hợp gia hạn thời gian hoạt động của quỹ

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):.....

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....:

- Vốn điều lệ:

- Thời hạn hoạt động trước khi gia hạn:

- Gia hạn thời gian hoạt động đến:/...../.....

- Lý do gia hạn:

(ii) Trường hợp giải thể quỹ

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):.....

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....:Vốn điều lệ:

- Thời hạn hoạt động:

- Lý do giải thể:

- Ngày dự kiến hủy niêm yết:

- Hình thức thanh lý và phân phối tài sản:

- Thời hạn thanh lý tài sản quỹ:

Thời hạn thanh lý tài sản không được vượt quá tháng, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định giải thể.

Hồ sơ kèm theo

(liệt kê đầy đủ)

Đại diện có thẩm quyền

ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 10

Báo cáo kết quả giải thể quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC GIẢI THỂ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện phương án giải thể quỹ đã được đại hội nhà đầu tư thông qua ngày .../.../..... Công ty quản lý quỹ/ngân hàng giám sát báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ như sau:

1. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:...

2. Ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: do NHNN cấp ngày.....
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:...

3. Ngày lập thông báo:

A. Thông tin về quỹ bị giải thể:

- Tên quỹ bị giải thể (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):.....
- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số:
- Vốn điều lệ:
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua quyết định giải thể):
- Giá trị tài sản ròng (tính tại thời điểm ra đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua quyết định giải thể):
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua quyết định giải thể):
- Thời hạn hoạt động của quỹ:
- Lý do giải thể:
- Ngày thực hiện giải thể:

B. Báo cáo việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc thanh lý tài sản, giải thể quỹ

C. Báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản của quỹ

- Tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính, thuế đối với Nhà nước;
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản đối với các chủ nợ (đính kèm danh sách);
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản đối với những người có quyền lợi liên quan tới quỹ (đính kèm danh sách);
- Tổng nợ phải thanh toán;
- Phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư.

D. Báo cáo về việc thanh lý tài sản quỹ:

- Phương thức thanh lý;
- Hoạt động thanh lý tài sản, chi phí thanh lý, ngày hoàn tất việc thanh lý tài sản;
- Tổng giá trị tài sản thu được sau thanh lý;
- Giá trị thanh lý trên 1 chứng chỉ quỹ phải trả cho nhà đầu tư;
- Các thông tin khác có liên quan.

E. Cam kết sau khi hoàn tất các thủ tục giải thể:

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực về nội dung báo cáo và các tài liệu đính kèm;
- Cam kết thực hiện thủ tục giải thể đúng theo quy định pháp luật hiện hành;
- Cung cấp văn bản pháp luật và các tài liệu có liên quan đến việc giải thể theo yêu cầu.

Nay chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả của việc thực hiện quyết định giải thể và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hệ quả phát sinh bất kỳ liên quan đến việc giải thể của quỹ ...trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày ký báo cáo này.

Hồ sơ kèm theo
(liệt kê đầy đủ)

**Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty
quản lý quỹ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát, ngân hàng
lưu ký**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Xác nhận của tổ
chức kiểm toán
độc lập**
(nếu có)

Xác nhận của ban đại diện
(nếu có)

Xác nhận của từng nhà đầu tư
(đối với quỹ thành viên)

Phụ lục số 11

Mẫu điều lệ quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

ĐIỀU LỆ QUỸ

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán
2. Nghị định ...
3. Thông tư

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ đầu tư....”	Là quỹ đầu tư thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng
“Công ty quản lý quỹ.....”	(Sau đây gọi tắt là công ty quản lý quỹ ...), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số thực hiện các ngành nghề kinh doanh như..... công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tạiĐiều lệ này.
"Ngân hàng giám sát...."	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng....) là ngân hàng thành lập theo giấy phép số cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số .. bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của quỹ ...đồng thời giám sát hoạt động của quỹ. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại điều...của điều lệ này.
“Công ty kiểm toán.....”	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập của quỹ..., thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của quỹ....
“Điều lệ quỹ...”	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư của quỹ...
“ Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ...
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến quỹ đầu tư..... Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của quỹ đầu tư....
“Ban đại diện quỹ/”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của quỹ đầu tư....., công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
“Chứng chỉ quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ
“Chứng chỉ quỹ đầu tư”	là loại chứng khoán do công ty quản lý quỹ ... đại diện cho quỹ đầu tư ... phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của quỹ đầu tư ... theo tỷ lệ tương ứng với số chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của quỹ đầu tư
“Giá bán”	Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành đã quy định tại điều lệ quỹ đầu tư....
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại điều lệ quỹ đầu

tư.....

“Phí thưởng”

Là phí mà quỹ đầu tư..... phải trả cho công ty quản lý quỹ đóng, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại điều lệ quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ quỹ....

“Phí phát hành”

Là phí mà quỹ đầu tư ... phải trả cho công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ quỹ... và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là ...% mệnh giá chứng chỉ quỹ...

“Lợi tức quỹ”

Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.

“Ngày đóng quỹ ”

Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho quỹ đầu tư...theo quy định của pháp luật hiện hành.

“Năm tài chính”

Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày... tháng đến hết ngày tháng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của quỹ đầu tư... sẽ được tính từ ngày quỹ đầu tư được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày tháng năm

“Giá trị tài sản ròng của quỹ”

Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do quỹ...sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của quỹ đầu tư... tại thời điểm định giá.

“Ngày định giá”

Là ngày làm việc cuối cùng mà công ty quản lý quỹ ... xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ...

(Việc định giá được thực hiện định kỳ ít nhất một tuần 01 lần đối với quỹ đóng theo quy định của Điều lệ quỹ)

“Người có liên quan”

Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong luật chứng khoán và các văn bản khác có liên quan....

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Giới thiệu tên và địa chỉ

Tên quỹ bằng tiếng Việt:

Tên quỹ bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt :

Địa chỉ liên hệ:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của quỹ

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ.... chào bán

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: Nơi cấp: Ngày cấp:

- Trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Tên ngân hàng:

- Giấy phép thành lập số: Nơi cấp: Ngày cấp

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:

- Trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư
2. Cơ cấu danh mục đầu tư
3. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư
 - Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;
 - Các lĩnh vực đầu tư cụ thể bao gồm:
4. Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:
 - a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
 - c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;
 - đ) Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
 - e) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
5. Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Vốn và tài sản của quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 9 Điều lệ này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 4 Điều 9 Điều lệ này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
 - d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;
 - đ) Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Điều lệ này; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
 - e) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

g) Trường hợp quỹ đăng ký là nhà đầu tư nước ngoài, quỹ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Công ty quản lý quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
- c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
- đ) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.

4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán;
- b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- 1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ
- 2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ
- 3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu
- 4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu
- 5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ khác

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của quỹ.... có thể là pháp nhân hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất làchứng chỉ quỹ... trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bốn phạm vi khác với quỹngoài trách nhiệm trong phạm vi sở chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là pháp nhân ký.

3. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

b) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

đ) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, báo cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ quỹ có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào ban đại diện quỹ;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ;

d) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 14. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;

b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán; tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;

c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó.

3. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc nơi khác và phải được thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tất cả các nhà đầu tư biết.

Điều 15. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư có thể chuyển nhượng chứng chỉ quỹ thông qua giao dịch trên các Sở giao dịch chứng khoán sau khi quỹ được niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành và theo điều lệ quỹ.

Điều 16. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ ... chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 17. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 18. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát;
- b) Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- c) Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; tăng vốn điều lệ của quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;
- d) Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành hoặc một tỷ lệ khác theo quy định tại điều lệ quỹ; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Điều 19. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

2. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư.

Điều 20. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy trình nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo triệu tập cuộc họp đại hội nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự đại hội nhà đầu tư;

b) Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu;

c) Lập và thông qua biên bản đại hội nhà đầu tư; thông báo nghị quyết đại hội nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của đại hội nhà đầu tư.

2. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

5. Trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 18 Thông tư này, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại điều lệ quỹ, phù hợp với các nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp đại hội nhà đầu tư.

6. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

8. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư cho ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 21. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có từ đến thành viên, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày triệu tập họp đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay

cách thức ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ.

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị)

2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các quy định khác tại điều lệ quỹ (nếu có).

3. Trong ban đại diện quỹ phải có:

a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật

4. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều lệ quỹ. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

5. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên ban đại diện quỹ.

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị)

Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ

1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ.

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị)

2. Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện quỹ:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xóa án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;

c) Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

d) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;

g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

h) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

i) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên ban đại diện quỹ:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Là người đại diện phần vốn góp của nhà đầu tư tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

2. Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Điều lệ này.

3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ hoặc đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ

1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và tại điều lệ quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 25. Chủ tịch ban đại diện quỹ

1. Đại hội người đầu tư bầu chủ tịch ban đại diện quỹ trong số thành viên ban đại diện. Chủ tịch ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của ban đại diện quỹ;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp ban đại diện quỹ;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ban đại diện quỹ;
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác.

Điều 26. Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ

1. Trường hợp chủ tịch ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên ban đại diện quỹ được chủ tịch ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 27. Cuộc họp ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu tháng lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước..... ngày.

3. Cuộc họp ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 51% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

Điều 28. Biên bản họp ban đại diện quỹ

Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ.

Chương VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

- 1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ
- 2. Công ty quản lý quỹ có các quyền

Điều 31. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với quỹ theo các quy định của điều lệ quỹ;
- b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư;
- c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 70 Luật Chứng khoán;
- d) Công ty quản lý quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
- đ) Quỹ hết thời gian hoạt động;
- e) Các trường hợp khác theo điều lệ quỹ.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

**Chương VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- 1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát
- 2. Quyền của Ngân hàng giám sát

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng lưu ký giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
- b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
- c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật.

**Chương VIII
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Điều 37. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày tháng đến hết ngày tháng năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của quỹ sẽ được tính từ ngày quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày tháng năm

Điều 38. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 39. Báo cáo tài chính

Điều 40. Báo cáo khác

Chương IX

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 41. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát để xác định giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

3. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định định kỳ ... và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 42. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Điều 43. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

Chương X

**PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ, TĂNG/GIẢM
VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ**

Điều 44. Phát hành thêm chứng chỉ quỹ, tăng vốn điều lệ

1. Quỹ có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phép chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ được chào bán phần chứng chỉ quỹ còn dư cho các nhà đầu tư khác.

2. Việc chào bán để tăng vốn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

3. Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ:

Điều 45. Phân chia lợi tức của quỹ

Chương XI

GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

Điều 46. Các điều kiện giải thể quỹ

Điều 47. Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể

Chương XII

PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Phí phát hành chứng chỉ quỹ đóng

Điều 49. Thu nhập của quỹ

Điều 50. Phí quản lý quỹ

Điều 51. Phí lưu ký và giám sát

1. Phí giám sát:

2. Phí lưu ký:

Điều 52. Chi phí khác (bao gồm lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên ban đại diện quỹ, phí kiểm toán, phí định giá và các chi phí khác)

Điều 53. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu

Chương XIII

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 54. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ, các khách hàng đầu tư uỷ thác của công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ.

1. Công ty quản lý quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do công ty quản lý;

b) Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, chủ tịch công ty quản lý quỹ, thành viên ban giám đốc, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

Chương XIV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Công bố thông tin

Điều 56. Thay đổi điều lệ

Điều 57. Đăng ký điều lệ

Điều 58. Điều khoản thi hành

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỞNG HOẠT ĐỘNG

PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ:....

Số giấy phép thành lập và hoạt động:.....do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày....

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với quỹ đầu tư:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của quỹ;
 - c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội

dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp đại hội người đầu tư theo quy định của pháp luật.

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát:.....

Số Giấy phép hoạt động:.....do.....cấp ngày.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán :.....do UBCKNN cấp ngày.....

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của quỹ.
9. Đảm bảo quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ:....

Số giấy phép thành lập và hoạt động:.....do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

Ngân hàng giám sát:.....

Số giấy phép thành lập và hoạt động:.....do.....cấp ngày.....

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:.....do UBCKNN cấp ngày.....

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch.

**Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty
quản lý quỹ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ THƯỜNG CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ...

Đối với quỹ đóng, Điều lệ quỹ phải quy định chi tiết về phí thường như sau:

Thường hoạt động chỉ được trả cho công ty quản lý quỹ ... nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ ... do công ty quản lý quỹ... quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thường hoạt động mà công ty quản lý quỹ ... sẽ nhận được bằng $x\%$ của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ ... và chỉ số căn bản trong năm tài chính, khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ ... tăng ít nhất $y\%$ so với chỉ số căn bản.

(Chỉ số căn bản sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý quỹ phụ thuộc vào loại quỹ. Đối với quỹ, chỉ số căn bản là chỉ số thị trường chứng khoán. Đối với quỹ trái phiếu, chỉ số căn bản là chỉ số thị trường trái phiếu hoặc lợi nhuận của một loại trái phiếu có thời gian đáo hạn tương đương phù hợp. Phí thường nằm trong danh mục các khoản phải trả sau và được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. Việc xác định và thanh toán phí thường chỉ thực hiện sau khi đã xem xét và cân đối tất cả các khoản thanh toán khác. Ví dụ: phí thường sẽ được trả cho công ty quản lý quỹ khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ tăng hơn 1.5% so với chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam VNI.... và bằng 20% phần tăng trưởng vượt trội này ($x=20\%$, $y=1.5\%$).

Phụ lục số 12**Mẫu danh sách thành viên**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

I. Mẫu danh sách thành viên ban đại diện quỹ

STT	Họ và tên	Số CMTND/ Hộ chiếu	Loại thành viên BĐD quỹ (độc lập/khác)	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)	Tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ	Địa chỉ liên lạc, tel, fax, email	Chữ ký
1							
2							
..							

II. Mẫu danh sách thành viên góp vốn vào quỹ thành viên

STT	Tên tổ chức (sắp xếp theo thứ tự về tỷ lệ sở hữu từ cao xuống thấp)	Thông tin về thành viên góp vốn vào quỹ		Giá trị phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu tại quỹ	Ngày vào sổ đăng ký thành viên (hoặc ngày điều chỉnh quy mô vốn góp)	Chữ ký
		Số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ trụ sở chính, tel, fax	Mã số giao dịch (đối với tổ chức nước ngoài, nếu có)				
1	Công ty A Đại diện phần vốn góp của công ty là Ông/bà: Nguyễn văn/thị B Chức vụ						
2							
...							

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên.

*Hồ sơ gửi kèm:
(liệt kê đầy đủ)*

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 13

Mẫu bản cáo bạch của quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ.

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ

1. Tên của quỹ
2. Loại hình quỹ:
3. Ngày đăng ký bản cáo bạch với UBCKNN:
4. Thời hạn hiệu lực của bản cáo bạch:
5. Tiêu đề của bản cáo bạch
6. Thông cáo nội dung sau:
“*Quỹ đầu tư..... được mô tả trong bản cáo bạch này là quỹ đầu tư được thành lập theo Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày ... tháng ... năm ...*”
7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin:
8. Nơi cung cấp bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh công ty, Website...);

(trang bìa)

QUỸ ĐẦU TƯ:

CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . . do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm . . .)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH:
(hoặc TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH)

Công ty:

Công ty:.....

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH (nếu có):

Công ty:

Công ty :.....

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: . . . từ ngày: . . .

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:

Số điện thoại:

MỤC LỤC

	Trang
Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá chứng chỉ quỹ chào bán	
Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch	
Các khái niệm	
Tình hình và đặc điểm của quỹ	
Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ	
Thông tin về ngân hàng giám sát	
Mục đích chào bán	
Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	
Các đối tác liên quan tới đợt chào bán	
Phụ lục	

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. ty quản lý quỹ

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

Ông/Bà: Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do *(tên công ty quản lý quỹ)* lập sau khi có xác nhận của *(tên Ngân hàng giám sát)*. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do *(tên các tổ chức có liên quan)* cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập và hoạt động số:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

Thời hạn hoạt động (nếu có):

Vốn điều lệ:

Cổ đông/thành viên/chủ sở hữu công ty quản lý quỹ:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên sáng lập/chủ sở hữu;

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên từ 5% vốn điều lệ;

- Giới thiệu về /hội đồng thành viên/chủ sở hữu(cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Ban điều hành công ty quản lý quỹ (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên)

Kinh nghiệm quản lý tài sản của công ty quản lý quỹ

Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực của nhân viên công ty quản lý quỹ đảm nhiệm vị trí người điều hành quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

- Tổng hợp tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) năm (05) năm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào bản cáo bạch;

- Các quỹ mà công ty đang quản lý (nêu chi tiết danh sách, tên quỹ, loại hình quỹ...);

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai;

- Trong bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên đầy đủ

Tên viết tắt

Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm nhân viên được phân công giám sát hoạt động quản lý tài sản của quỹ dự kiến thành lập; bộ phận lưu ký tài sản cho quỹ dự kiến thành lập.

(Đính kèm hợp đồng giám sát giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát)

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Tên công ty:

Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

Nơi thành lập:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Thời hạn hoạt động (nếu có)

(đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa công ty quản lý quỹ và công ty kiểm toán)

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn bao gồm

Tên:

Địa chỉ:

Số giấy chứng nhận làm đại lý phân phối:

Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật)

Tổ chức được ủy quyền:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính;
- Số giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thời gian hoạt động;
- Lĩnh vực hoạt động chính
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền (liệt kê những điều khoản trong hợp đồng)
- Chi phí phải thanh toán.....hình thức thanh toán

(đính kèm hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức được ủy quyền).

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về quỹ

- 1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ
- 1.2 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và quy mô quỹ
- 1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ (nếu có);

2. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ

- 2.1 Mục tiêu đầu tư của quỹ
- 2.2 Chiến lược đầu tư của quỹ
- 2.3 Phương pháp và quy trình đầu tư của quỹ
- 2.4 Hạn chế đầu tư của quỹ
- 2.5 Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro lãi suất
- Rủi ro lạm phát
- Rủi ro thiếu tính thanh khoản
- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro tín nhiệm
- Rủi ro xung đột lợi ích
- Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư).

- Rủi ro cá biệt
- Rủi ro khác

3. Điều lệ quỹ trong đợt chào bán lần đầu và điều lệ quỹ cập nhật trong các lần công bố bản cáo bạch tiếp theo (nếu thay đổi).

Tóm tắt điều lệ quỹ với các thông tin chính sau đây:

3.1. Các điều khoản chung

3.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

- Mục tiêu đầu tư
- Chiến lược đầu tư
- Tài sản được phép đầu tư
- Cơ cấu đầu tư
- Các hạn chế đầu tư
- Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ
- Phương pháp lựa chọn đầu tư;
- Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

3.3 Đặc trưng của quỹ

- Nhà đầu tư
- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư
- Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ
- Quyền biểu quyết của nhà đầu tư
- Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư, trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

3.4. Thông tin về các mức phí mà quỹ phải trả

- Phí quản lý
- Phí giám sát
- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật
- Các loại phí, chi phí hạch toán vào quỹ; các loại phí, chi phí mà nhà đầu tư phải thanh toán

3.5 Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ;
- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với nhà đầu tư (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc nhà đầu tư tự thanh toán)

3.6 Đại hội nhà đầu tư

- Đại hội người đầu tư thường niên, bất thường
- Quyền hạn và nhiệm vụ đại hội nhà đầu tư;
- Thẻ thức tiến hành đại hội nhà đầu tư;
- Quyết định của đại hội nhà đầu tư.

3.7 Ban đại diện quỹ

- Tổ chức ban đại diện quỹ (danh sách);
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ;
- Quyền hạn và nhiệm vụ của ban đại diện quỹ;
- Chủ tịch ban đại diện quỹ;
- Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ;
- Đình chỉ và bãi miễn thành viên ban đại diện quỹ;
- Người đại diện cho thành viên ban đại diện quỹ;
- Biên bản họp ban đại diện quỹ.

3.8 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ;
- Trách nhiệm và quyền hạn của công ty quản lý quỹ;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty quản lý quỹ;
- Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ.

3.9 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát;
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát.

3.10 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

4. Các thông tin đầu tư khác

X. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Căn cứ pháp lý

2. Phương án phát hành chứng chỉ quỹ

- Tên quỹ;
- Loại hình;
- Thời hạn của quỹ;
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư;
- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư;
- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư;
- Cơ cấu đầu tư;
- Số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán (hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):
 - Thời hạn chào bán, gia hạn thời gian chào bán;
 - Mệnh giá;
 - Giá phát hành;
 - Số lượng đăng ký tối thiểu;
 - Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu;
 - Phí phát hành lần đầu (x%);
 - Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư;
 - Phương thức và hình thức thanh toán;
 - Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối;
 - Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành.

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

3.1 Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

3.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4. Thông tin hướng dẫn tham đầu tư vào quỹ đầu tư

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)

2. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

2.1 Phí phát hành lần đầu.

2.2. Phí quản lý.

2.3. Phí giám sát, phí lưu ký.

2.4. Các loại phí và lệ phí khác (phí kiểm toán, tư vấn thuế, định giá....)

2.5. Các thông tin khác.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

3.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

4. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của quỹ; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của quỹ cho các nhà đầu tư.

5. Dự báo kết quả hoạt động của quỹ

Trong bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế, v.v... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của quỹ. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

6. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của quỹ

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH(Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NĐT CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Nêu rõ nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng quý năm cho người đầu tư của quỹ.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NĐT

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các nhà đầu tư có thể tiếp xúc với công ty quản lý quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến quỹ.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký mua chứng chỉ quỹ
2. Phiếu đăng ký mua
3. Địa chỉ các nơi bán cáo bạch được cung cấp
4. Các phụ lục khác

Các phụ lục khác *(nếu có)*

**Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....ngày....tháng...năm....
**Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐTV/Chủ
tịch công ty quản lý quỹ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Người đại diện theo pháp luật của tổ
chức bảo lãnh phát hành (nếu có)**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty
quản lý quỹ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu bản cáo bạch tóm tắt của quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ.

BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA QUỸ...

1. Tên, loại hình quỹ; quy mô vốn; tóm tắt mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, thời hạn hoạt động (nếu có) của quỹ.
2. Thông tin về công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, danh sách đại lý phân phối, các tổ chức được ủy quyền (nếu có) và danh sách thành viên Ban đại diện quỹ (nếu có).
3. Kết quả hoạt động đầu tư của quỹ trước đó (nếu có), kèm theo khuyến cáo về việc kết quả hoạt động đầu tư trước đó chỉ mang tính tham khảo, và việc đầu tư vào Quỹ không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời hoặc bảo đảm khả năng thu hồi vốn.
4. Phương án phát hành chứng chỉ quỹ, thông tin cơ bản hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ.
5. Các khoản thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán; các khoản thuế, phí, lệ phí mà nhà đầu tư phải thanh toán.
6. Thông tin cơ bản về hình thức, phương thức, lộ trình, thời điểm phân phối lợi nhuận quỹ.
7. Thông tin cơ bản về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ.
8. Chế độ công bố thông tin, hình thức cung cấp thông tin, tài liệu về quỹ cho nhà đầu tư; địa chỉ, thời gian và hình thức liên lạc để tìm hiểu thêm thông tin về quỹ.

Phụ lục số 15

Các nội dung chính trong hồ sơ lưu tại ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ phải lưu trữ các tài liệu chứng từ liên quan tới hoạt động giám sát, quản lý quỹ cụ thể như sau:

Quỹ	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát 1) Chứng từ về tất cả các đợt phát hành mới chứng chỉ quỹ, với các nội dung sau: - Ngày đặt mua - Tên và địa chỉ của người đặt mua chứng chỉ quỹ - Số lượng chứng chỉ quỹ (công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát) - Giá và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát) - Phí - Tên của đại lý phân phối (nếu có) - Hoa hồng - Các vấn đề khác có liên quan; - Ngày ký hợp đồng 2) Chứng từ thanh toán của mỗi hợp đồng - Ngày thực hiện giao dịch - Ngày nhận thanh toán, người thực hiện thanh toán - Ngày chuyển tiền vào tài khoản của quỹ (ngân hàng giám sát) - Ngày thanh toán (ngân hàng giám sát) - Người nhận thanh toán (ngân hàng giám sát) - Ngày khấu trừ khỏi tài khoản của quỹ (ngân hàng giám sát)
Giao dịch cho danh mục đầu tư của quỹ	Ngân hàng giám sát 1) Hoạt động lưu chuyển tiền tệ của quỹ kèm theo hợp đồng và các hồ sơ, chứng từ thanh toán có liên quan tới: - Các khoản thu từ các đợt phát hành thêm chứng chỉ quỹ - Các khoản thanh toán cho việc mua lại chứng chỉ quỹ - Các khoản thanh toán cho tổ chức môi giới chứng khoán cho các giao dịch mua chứng khoán cho quỹ; - Các khoản thu từ các tổ chức môi giới chứng khoán cho các giao dịch bán chứng khoán cho quỹ; 2) Thông tin chi tiết về mọi lệnh giao dịch mua, bán cho tài sản quỹ phải được lưu trữ trong sổ lệnh. Sổ lệnh phải bao gồm các nội dung sau: - Tên của danh mục đầu tư của quỹ - Khối lượng lệnh đặt; - Thời gian đặt lệnh; 3) Khi lệnh đã được khớp, sổ lệnh cần phải cập nhật thêm các thông tin sau:

	- Tên của danh mục đầu tư của quỹ hoặc tên của nhà đầu tư ủy thác; - Khối lượng giao dịch đã thực hiện; - Thời gian thực hiện lệnh; - Thời điểm nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc thời điểm giấy chứng nhận này được ngân hàng lưu ký phát hành; - Những điều chỉnh/thay đổi liên quan tới giao dịch hoặc các lỗi giao dịch
Các khoản đầu tư – Tài khoản vốn	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát 1) Thông tin về các khoản đầu tư phải được lưu trữ bao gồm: - Khối lượng và giá của từng tài sản giao dịch; - Tổng chi phí giao dịch bao gồm hoa hồng và phí giao dịch - Các giao dịch tiếp theo liên quan tới tài sản này; - Giá giao dịch liên quan tới tài sản này; - Các hoạt động về vốn 2) Thông tin về các hoạt động của tổ chức phát hành làm thay đổi bản chất, số lượng hoặc giá trị của tài sản (phát hành các quyền mua, chia tách cổ phiếu, điều chỉnh giảm vốn, thay đổi giá trị danh nghĩa, thay đổi tên, thu tóm hoặc sáp nhập, phá sản hoặc thanh lý) đều phải được lưu trữ, bao gồm: - Loại hoạt động - Ngày có hiệu lực - Kết quả thay đổi (theo giá trị hoặc khối lượng)
Các khoản đầu tư – tài khoản thu nhập	Ngân hàng giám sát 1) Thông tin về thu nhập và lợi nhuận phải bao gồm các nội dung: - Loại hình thu nhập - Người trả - Nguồn thu nhập; - Ngày nhận - Tỷ lệ (trái khoán hoặc cổ tức) - Giá trị - Khấu trừ thuế, và tỷ lệ khấu trừ
Tiền vay	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát Tiền vay - Lượng tiền vay - Mục đích - Chứng khoán vay – các chi tiết cụ thể - Người cho vay - Ngày trả - Tỷ lệ lãi suất - Các điều kiện cho vay đặc biệt
Tính giá trị tài sản ròng (NAV)	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát 1) Thông tin về quy trình và phương pháp tính giá trị tài sản ròng cần phải được lưu trữ bao gồm: - Số lượng chứng khoán (cổ phiếu hoặc trái phiếu) hoặc các loại hình tài sản khác. Trong trường hợp tài sản là bất động sản thì cần có thêm thông tin về vị trí, loại hình bất động sản. + Giá của mỗi tài sản

	+ Phương pháp tính NAV + Hồ sơ định giá do công ty quản lý quỹ thành lập + Đánh giá của người thẩm định hoặc cơ quan, tổ chức thẩm định giá; + Các lỗi trong phương pháp tính NAV do cơ quan, tổ chức thẩm định giá thẩm tra phát hiện
Tính giá một chứng chỉ chứng chỉ quỹ	Công ty quản lý quỹ - Giá trị tài sản ròng của quỹ và thời điểm xác định giá trị này (ngày, tháng, giờ) - Số lượng chứng chỉ của đợt phát hành sử dụng để định giá; - Phí – phát hành hoặc mua lại – phí này được cộng vào giá hoặc trừ đi từ giá chứng chỉ - Hồ sơ định giá trình cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo - Chứng từ, sổ sách - Chi tiết các lỗi trong định giá chứng chỉ và cách xử lý các lỗi đó Ngân hàng giám sát - Xác nhận việc tính giá trị tài sản ròng - Bảng chứng cho việc kiểm tra và xác nhận và bản sao của những thông báo gửi đến công ty quản lý quỹ xác nhận lỗi và việc sửa lỗi
Sổ đăng ký nhà đầu tư	Công ty quản lý quỹ 1) Sổ đăng ký nhà đầu tư của quỹ cần phải luôn được cập nhật. Sổ đăng ký phải được lập theo mẫu, dưới dạng văn bản và dưới dạng thông tin điện tử, gồm các nội dung sau: - Tên và địa chỉ hiện tại (nếu có) của nhà đầu tư, mã số khách hàng, Số CMTND hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; - Số lượng chứng chỉ nắm giữ - Thời điểm mua chứng chỉ - Tên đại lý phân phối chứng chỉ đó (nếu có) - Các yêu cầu đặc biệt của nhà đầu tư (cầm cổ chứng chỉ, các quy định đối với thủ tục phá sản, hoạt động điều tra hình sự, di chúc...) 2) Thông tin về các giao dịch cá nhân với các nội dung: - Bản chất của mỗi giao dịch (mua, bán, hoặc các hình thức chuyển nhượng khác) - Tên của đối tác giao dịch - Ngày thực hiện giao dịch - Khối lượng giao dịch - Tên đại lý phân phối (nếu có)
Thông tin chi tiết về tài sản được lưu ký	Ngân hàng giám sát 1) Thông tin về các tài sản được lưu ký bao gồm: - Ký danh (tên) của tài khoản lưu ký; - Danh mục đầu tư của quỹ hoặc của các nhà đầu tư ủy thác; - Thông tin chi tiết của các hợp đồng lưu ký phụ cho từng tài sản (nếu có). - Khối lượng tài sản - Ngày thực hiện giao dịch.

	- Giá giao dịch - Hình thức sở hữu và nơi lưu ký tài sản (ghi danh, chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ) 2) Các yêu cầu đặc biệt của nhà đầu tư (cầm cổ chứng chỉ, các quy định đối với thủ tục phá sản, hoạt động điều tra hình sự, di chúc...) Các thông tin này phải được xây dựng theo hình thức để có thể phân tích: - Theo loại hình tài sản lưu ký; - Theo loại hình quỹ; 3) Thông tin về các giao dịch đã được thực hiện bao gồm: - Loại, tên tài sản - Số tiền - Bản chất của giao dịch - Ngày thực hiện giao dịch. - Thông báo xác nhận kết quả giao dịch (hóa đơn, chứng từ, xác nhận của ngân hàng) - Hoạt động điều chỉnh trên tài khoản danh mục, nhà đầu tư ủy thác. - Giá trị tài sản ròng và phương pháp tính giá - Các chứng từ kiểm tra và xác minh, các bản sao của các thông báo xác nhận kết quả giao dịch, thông báo báo lỗi....
Lưu trữ và bảo quản	Ngân hàng giám sát - Địa điểm nơi các tài sản phải được lưu trữ, bảo quản. - Thẩm quyền di chuyển hoặc chuyển nhượng tài sản. - Các biên bản kiểm tra định kỳ về tình hình tài sản do ngân hàng lưu ký hoặc tổ chức kiểm toán hợp pháp thực hiện.

Phụ lục số 16**Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đóng**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

Giá trị tài sản ròng quỹ
(tuần)

Tên công ty quản lý quỹ:

Tên ngân hàng giám sát:

Tên quỹ:

Ngày lập báo cáo:

I. Đối với quỹ đang hoạt động

Đơn vị tính:....VND/%

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	KỲ TRƯỚC
A	Giá trị tài sản ròng		
A.1	Giá trị đầu kỳ		
	của quỹ		
	của một chứng chỉ quỹ		
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
	của quỹ		
	của một chứng chỉ quỹ		
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ		
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	Giá trị cao nhất (VND)*		
	Giá trị thấp nhất (VND)*		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ		
B.2	Giá trị cuối kỳ		
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước		
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)*		
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))*		
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	Giá trị cao nhất (VND)*		
	Giá trị thấp nhất (VND)*		

II. Đối với quỹ sau ngày hủy niêm yết để giải thể

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Tại ngày hủy niêm yết	Giá trị tài sản đã phân phối	
					Trong kỳ	Lũy kế
A	A.1	NAV/01 chứng chỉ quỹ				
	A.2	Thay đổi NAV/01 chứng chỉ quỹ do phân phối				
	A.3	Thay đổi NAV/01 chứng chỉ quỹ do thay đổi giá thị trường				
B	B.1	NAV Quỹ				
	B.2	Thay đổi NAV quỹ do phân phối				
	B.3	Thay đổi NAV do thay đổi giá thị trường				
C	C.1	Chi phí quản lý quỹ				
	C.2	Chi phí lưu ký, giám sát				
	C.3	Chi phí khác				
	Tổng chi phí					

Lưu ý: * Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm);

** Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường – Giá trị tài sản ròng)/Giá trị tài sản ròng

**Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty
quản lý quỹ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 17

Mẫu báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư của quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
(Tháng, quý, năm)

1. Tên công ty quản lý quỹ :
2. Tên ngân hàng giám sát:
3. Tên quỹ:
4. Ngày lập báo cáo:

Chứng chỉ tính:....VND

I. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
	Các khoản tương đương tiền			
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)			
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận			
I.4	Lãi được nhận			
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)			
I.6	Các khoản phải thu khác			
I.7	Các tài sản khác			
I.8	Tổng tài sản			
TT	Nợ	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	% cùng kỳ năm trước
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)			
II.2	Các khoản phải trả khác			
II.3	Tổng nợ			
	Tài sản ròng của quỹ (I.8-II.3)			
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành			
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ			

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư			
1	Cổ tức, trái tức được nhận			
2	Lãi được nhận			
3	Các khoản thu nhập khác			

II	Chi phí			
1	Phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ			
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS			
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có);			
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;			
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ;			
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ;			
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.			
8	Các loại phí khác (<i>nêu chi tiết</i>)			
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)			
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư			
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư			
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ			
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)			
VI	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ			
VII	Thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ trong kỳ:			
	trong đó			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ			
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập cho các nhà đầu tư trong kỳ			
VIII	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ			
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			

III. BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết				
1					
2					
....					
	Tổng				
II	Cổ phiếu không niêm yết				
1					
2					
....					
	Tổng				
	Tổng các loại cổ phiếu				
III	Trái phiếu				
1					
2					
....					
	Tổng				
IV	Các loại chứng khoán khác				
1					
2					
....					
	Tổng				
	Tổng các loại chứng khoán				
V	Các tài sản khác				
1					
2					
....					
	Tổng				
VI	Tiền				
1	Tiền mặt				
2	Chứng chỉ tiền gửi				
3	Công cụ chuyển nhượng...				
...					
	Tổng				
VII	Tổng giá trị danh mục				

IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VAY, GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI CỦA QUỸ

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ
1	Các khoản vay tiền (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
1.1	...								
...	...								
I	Tổng giá trị các khoản vay tiền/giá trị tài sản ròng								
2	Hợp đồng Repo ⁴ (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
2.1									
...									
II	Tổng giá trị các hợp đồng Repo/giá trị tài sản ròng								
A	Tổng giá trị các khoản vay/giá trị tài sản ròng (=I+II)								
3	Cho vay chứng khoán (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
3.1	...								
...									
III	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
4	Hợp đồng Reverse Repo ⁵ (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
4.1									
...	...								
IV	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
B	Tổng giá trị các khoản cho vay/giá trị tài sản ròng (=III + IV)								

⁴ Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại, trong đó quỹ là bên bán chứng khoán (bên đi vay tiền)

⁵ Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại, trong đó quỹ là bên mua chứng khoán (bên cho vay chứng khoán)

V. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
3	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
4	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
5	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
6	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = $(\text{Tổng giá trị danh mục mua vào} + \text{tổng giá trị danh mục bán ra}) / \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}$		
7	Tỷ lệ thu nhập (tính cả thu nhập từ lãi, cổ tức, trái tức, chênh lệch giá)/Giá trị tài sản ròng		
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ		
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ		
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ		
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ		
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ		
7	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ		
8	Giá trị thị trường trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ		

VI. THỐNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH CỦA QUỸ

(chỉ thực hiện đối với báo cáo bán niên và báo cáo năm)

Số thứ tự	Tên (mã) các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo)	Quan hệ với công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ tại từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng							

Đại diện có thẩm quyền
Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 18

Báo cáo của ngân hàng giám sát

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

(Báo cáo định kỳ tháng, quý, năm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...,ngày... tháng... năm ...

BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng giám sát:

Địa chỉ:

Giấy phép hoạt động số: do..... cấp ngày.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do UBCKNN cấp ngày.....

I. Những vi phạm của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định tại Điều 72 của Luật Chứng khoán:

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép thành lập và hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ bị ảnh hưởng

2. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định tại điều 73 của Luật Chứng Khoán

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép thành lập và hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ bị ảnh hưởng

3. Công ty quản lý quỹ định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ

Công ty quản lý quỹ	Mức sai lệch	Thời gian quỹ bị định giá sai	Tình trạng khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất)

4. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 92 của Luật chứng khoán

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ bị ảnh hưởng:

Số quỹ đang quản lý:

STT	Loại hình vi phạm	Tên quỹ	Biện pháp xử lý

5. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát phát hiện

Công ty quản lý quỹ	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm	Biện pháp xử lý

II. Vi phạm của ngân hàng giám sát

1. Vi phạm quy định của Luật chứng khoán

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều 98		
Điều 99		
....		
....		

2. Vi phạm các quy định tại Thông tư thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều		
Điều		
....		
....		

3. Vi phạm các quy định trong hợp đồng giám sát

Hợp đồng Giám sát số	Số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm

4. Báo cáo về các lỗi phát hiện trong khi đối soát chứng từ, tài sản giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát

Ngày phát hiện lỗi	Tên quỹ	Loại lỗi

5. Những vi phạm giám sát khác

Tổng số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm

III. Đánh giá cụ thể về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Đánh giá hoạt động quản lý quỹ.
2. Đánh giá hoạt động xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.
3. Đánh giá hoạt động chào bán, phát hành chứng chỉ quỹ.
4. Đánh giá hoạt động phân phối lợi tức.
5. Các hoạt động khác (nêu rõ hoạt động đánh giá).

IV. Kiến nghị (nếu có)

Chúng tôi cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật rằng những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác

Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 19

Bản cung cấp thông tin

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
hộ
chiếu
(4x6)

....., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Họ và tên : Nam/ Nữ:
Bí danh (nếu có):
2. Ngày tháng năm sinh :
3. Nơi sinh :
4. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):
5. Quốc tịch :
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
7. Chỗ ở hiện tại:
8. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):
9. Điện thoại, fax, email:
10. Trình độ văn hoá:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Nghề nghiệp:

☐ Công chức Nhà nước ☐ Viên chức Nhà nước ☐ Khác

13. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

Nêu rõ tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (*liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm*)

Thời gian	Nơi đào tạo/thành phố	Chuyên ngành đào tạo	Chương trình học	Tên bằng

14. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí/khen thưởng, kỷ luật nếu có):

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/Vị trí công tác	Trách nhiệm	Chức vụ

15. Chức vụ và nhiệm vụ tại ban đại diện quỹ/công ty quản lý quỹ/tổ chức góp vốn vào quỹ

16. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

17. Nhân thân người khai (quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Họ và tên	Năm sinh	Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Vợ/chồng:					
Bố:					
Mẹ					
Con					
Anh/chị/em ruột:					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

Sau khi nghiên cứu điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

Đối với thành viên ban đại diện quỹ

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên ban đại diện quỹ quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật liên quan;
- Tuân thủ các quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có)

Đối với thành viên ban đại diện quỹ độc lập

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên độc lập của ban đại diện quỹ quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật liên quan;
- Tuân thủ các quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Chứng thực chữ ký người khai

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 20

Mẫu thông báo thanh toán lợi tức gửi cho các nhà đầu tư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

Thông báo thanh toán lợi tức

1. Tên quỹ:
2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành:
3. Công ty quản lý quỹ:
 - Tên công ty:
 - Tên tiếng Anh:
 - Số giấy phép: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax:
4. Ngân hàng giám sát:
 - Tên ngân hàng:
 - Tên tiếng Anh:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Số giấy phép hoạt động lưu ký: Ngày cấp: Nơi cấp
 - Điện thoại: Fax:
5. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ, lợi nhuận tích lũy, lợi nhuận giữ lại, lợi nhuận phân chia:
6. Thời điểm, phương thức, hình thức thanh toán.
7. Thông tin về nhà đầu tư
 - Tên nhà đầu tư:
 - Số CMT/hộ chiếu/Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/tài liệu tương đương:
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ liên lạc:
8. Thông tin về mức thanh toán lợi tức cho nhà đầu tư:
 - Số lượng chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư:
 - Mức chi trả lợi tức(bằng tiền)....và/hoặc(bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm) trên một chứng chỉ quỹ
 - Tổng mức thanh toán.....(bằng tiền)....và/hoặc (bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm) cho nhà đầu tư

Giám đốc (Tổng giám đốc)
công ty quản lý quỹ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 21

Mẫu báo cáo kết quả chào bán/phát hành chứng chỉ quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ
RA CÔNG CHÚNG**

(Tên chứng chỉ quỹ.....)

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ngày tháng năm....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Công ty quản lý quỹ:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:

II. Ngân hàng giám sát:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:

III. Chứng chỉ quỹ chào bán:

1. Tên quỹ chào bán:
2. Mệnh giá:
3. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán/phát hành:
4. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến :
5. Hiệu lực đăng ký chào bán/phát hành: từ ngày.../...../..... tới ngày...../...../.....
6. Thời hạn nhận đăng ký mua/thanh toán: từ ngày/...../..... tới ngày/...../.....

IV. Tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có):

1. Tên tổ chức bảo lãnh phát hành chính:
2. Tên các tổ chức bảo lãnh phát hành khác và số lượng chứng chỉ quỹ cam kết bảo lãnh, số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết của từng tổ chức (nếu có):
3. Phí bảo lãnh phát hành:

V. Đại lý phân phối:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:

VI. Kết quả chào bán/phát hành chứng chỉ quỹ:

Đối tượng mua chứng chỉ quỹ		Giá chào bán	Số chứng chỉ quỹ chào bán	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua	Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối	Số người đăng ký mua	Số người được phân phối	Số người không được phân phối	Số chứng chỉ quỹ còn lại	Tỷ lệ chứng chỉ quỹ phân phối
1		2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Nhà đầu tư trong nước	Cá nhân									
	Tổ chức									
	Tổng số									
2. Nhà đầu tư nước ngoài	Cá nhân									
	Tổ chức									
	Tổng số									
Tổng số										

VII. Tổng hợp kết quả đợt chào bán chứng chỉ quỹ:

- Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối:..., chiếm....% tổng số chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán.
- Tổng số tiền thu được cho quỹ:.....đồng.
- Tổng chi phí :.....đồng.
 - Phí bảo lãnh phát hành:
 - Phí phân phối:
 - Phí tư vấn luật:
 - Phí khác (nêu rõ)

Danh sách và tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư chuyên nghiệp và nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành kể cả trong và ngoài nước (đính kèm)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty
quản lý quỹ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)